ÔN TẬP HỌC KỲ 1 - ĐỊA 11

Câu 1: Nền kinh tế EU phụ thuộc nhiều vào hoạt động

A. xuất nhập khẩu
B. khai thác khoáng sản
C. giao dịch ngân hàng
D. sản xuất nông nghệp

Câu 2: Cho biểu đồ:

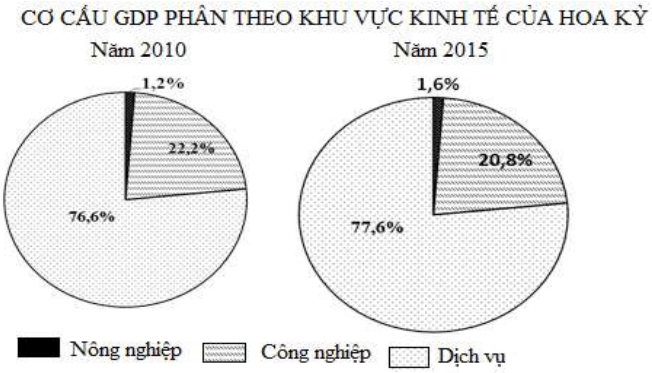

Nhận xét nào sau đây là đúng trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế Hoa Kì?

A. Công nghiệp chiếm tỉ trọng thấp nhất.
B. Tăng tỉ trọng công nghiệp.
C. Tăng tỉ trọng dịch vụ.
D. Giảm tỉ trọng nông nghiệp.

Câu 3: Ba trụ cột EU theo Hiệp định Mat-xtrich là

A. cộng đồng châu Âu,chính sách đối ngoại và an ninh chung,hợp tác về tư pháp và nội vụ
B. hội đồng châu Âu,ủy ban chính phủ,tòa án châu Âu
C. cộng đồng châu Âu,tòa án châu Âu,hội đồng bọ trưởng
D. hội đồng châu Âu,tòa án châu Âu,hội đồng bộ trưởng

Câu 4: Hiện nay dân số các nước phát triển

A. gia tăng chậm hơn nước đang phát triển
B. chiếm phần lớn của thế giới
C. tỉ lệ trẻ em tăng nhanh
D. ngày càng tăng nhanh

Câu 5: Nguyên nhân chính gây ra lỗ thủng tầng Ô dôn là

A. các hóa chất sử dụng trong công nghiệp
B. khí thải của các nhà máy công nghiệp
C. khí thải của các phương tiện giao thông
D. khí thải CFC trong sản xuất công nghiệp

Câu 6: Đến năm 2007 có bao nhiêu quốc gia sử dụng đồng Ơ rô là đồng tiền chung ?

A. 25 **B.** 13 **C.** 27 **D.** 24

Câu 7: Cơ quan đưa ra quyết định cơ bản của những người đứng đầu nhà nước của EU là

A. hội đồng bộ trưởng
B. hội đồng châu Âu

Câu 8: Mục tiêu của EU là

A. xây dựng, phát triển một khu vực có sự hòa hợp về kinh tế, chính trị và xã hội.
B. tạo ra môi trường cho sự tự do lưu thông con người, dịch vụ, hàng hóa, tiền tệ.
C. cùng liên kết về kinh tế, luật pháp, an ninh và đối ngoại, môi trường, giáo dục.
D. góp phần vào việc duy trì hòa bình và an ninh thế giới, chống biến đổi khí hậu.

Câu 9: Đặc trưng nền nông nghiệp của các nước Đông Nam Á là

A. cận nhiệt.
B. ôn đới.
C. nhiệt đới.
D. lúa nước.

Câu 10: Đối với thị trường nội địa, các nước thuộc EU đã
A. dỡ bỏ các rào cản đối với thương mại.
B. kí kết các hiệp định thương mại tự do.
C. tăng thuế quan và kiểm soát biên giới.
D. áp dụng cùng một mức thuế hàng hóa.

Câu 11: Việc sử dụng đồng tiền chung (ơ-rô) trong EU có tác động
A. nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.
B. công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia trở nên phức tạp.
C. làm cho việc chuyển giao vốn trong EU trở nên khó khăn hơn.
D. làm tăng rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ và luân chuyển vốn.

Câu 12: Điều kiện nhiều sông lớn chảy ở miền núi dốc thuận lợi để nhiều nước ở Đông Nam Á lục địa phát triển mạnh
A. giao thông. **B.** du lịch. **C.** thủy điện. **D.** nhiệt điện.

Câu 13: Phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa của người dân có nhiều nét tương đồng là một trong những điều kiện thuận lợi để các nước Đông Nam Á
A. hợp tác cùng phát triển.
B. phát triển du lịch.
C. hội nhập kinh tế.
D. ổn định chính trị.

Câu 14: Mục tiêu của EU khi thành lập được thể hiện qua hiệp ước nào?
A. Pa – ri. **B.** Ma – xtrích.
C. Li – xbon. **D.** Am – xtéc – đam.

Câu 15: Cơ quan quyền lực cao nhất của EU là
A. Nghị viện Châu Âu.
B. Ủy ban liên minh Châu Âu.
C. Hội đồng bộ trưởng EU.
D. Hội đồng Châu Âu.

Câu 16: Các nước phát triển thường có
A. chất lượng sống thấp. **B.** đầu tư nước ngoài lớn.
C. cơ cấu dân số trẻ. **D.** tỉ lệ sinh cao.

Câu 17: Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển thể hiện ở chỉ số nào sau đây?
A. Quy mô dân số và tuổi thọ trung bình. **B.** Cơ cấu GDP và đầu tư nước ngoài.
C. Gia tăng kinh tế và quy mô dân số. **D.** Cơ cấu kinh tế và tỉ lệ dân thành thị.

Câu 18: Bán đảo Alaxca gặp khó khăn chủ yếu nào sau đây trong việc phát triển kinh tế?
A. Nhiều núi cao, khí hậu khô hạn. **B.** Diện tích rừng và đồng cỏ còn ít.
C. Nghèo các khoáng sản năng lượng. **D.** Nhiều núi, khí hậu lạnh.

Câu 19: Nền nông nghiệp Hoa Kì có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để phát triển?
A. Khí hậu phân hóa, lượng mưa ít. **B.** Sông chảy trên địa hình khá dốc.
C. Khí hậu phân hóa, đất đai màu mỡ. **D.** Nhiều núi trẻ và bồn địa rộng lớn.

Câu 20: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA BRA-XIN NĂM 2018

Xuất khẩu *(tỷ đô la Mỹ)*	**Nhập khẩu** *(tỷ đô la Mỹ)*
277	267

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, cán cân xuất nhập khẩu của Bra-xin năm 2019 là
A. 454 tỷ đô la. **B.** 544 tỷ đô la. **C.** 10 tỷ đô la. **D.** -10 tỷ đô la.

Câu 21: Tự do đi lại thuộc loại tự do lưu thông nào sau đây của EU?
A. Di chuyển. **B.** Tiền vốn. **C.** Dịch vụ. **D.** Hàng hóa.
Câu 22: Cộng đồng kinh tế châu Âu (tiền thân của EU hiện nay) hình thành năm nào?
A. 1967. **B.** 1958. **C.** 1957. **D.** 1951.
Câu 23: Cho biểu đồ:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA BA LAN VÀ CRÔ-A-TI-A

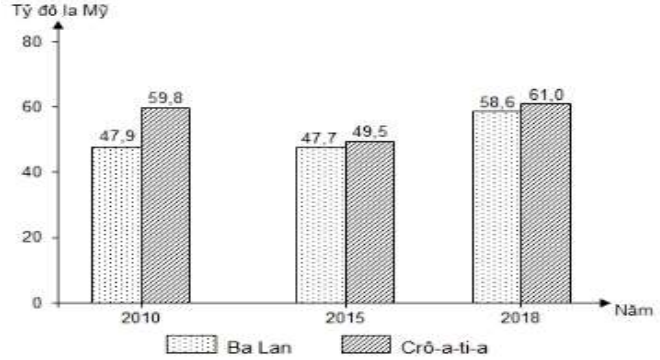

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của Ba Lan và Crô-a-ti-a giai đoạn 2010 - 2018?
A. Crô-a-ti-a giảm liên tục qua các năm. **B.** Crô-a-ti-a luôn luôn lớn hơn Ba Lan.
C. Ba Lan tăng liên tục qua các năm. **D.** Ba Lan tăng còn Crô-a-ti-a giảm.
Câu 24: Các nước đang phát triển có chỉ số HDI so với trung bình của thế giới
A. Thấp hơn. **B.** Cao hơn. **C.** Cao hơn nhiều. **D.** Ngang bằng.
Câu 25: Già hóa dân số có biểu hiện nào sau đây?
A. Dân số tăng nhanh. **B.** Tỉ lệ sinh giảm.
C. Tỉ lệ sinh cao. **D.** Cơ cấu dân số trẻ.
Câu 26: Phát biểu nào sau đây đúng với EU hiện nay?
A. Số lượng thành viên luôn ổn định. **B.** Các quốc gia thành viên đều nhập siêu.
C. Tốc độ tăng trưởng cao kinh tế cao. **D.** Tổ chức thương mại hàng đầu thế giới.
Câu 27: Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2018

Quốc gia	**Mô-dăm-bích**	**Tan-da-ni-a**	**Xê-nê-gan**	**Ca-mơ-run**
Tỉ lệ sinh *(‰)*	38	37	34	37
Tỉ lệ tử *(‰)*	9	7	6	10

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ lệ tăng tự nhiên cao nhất vào năm 2018?
A. Tan-da-ni-a. **B.** Ca-mơ-run. **C.** Mô-dăm-bích. **D.** Xê-nê-gan.
Câu 28: Dầu mỏ của Tây Nam Á tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?
A. Vịnh Ô-man. **B.** Biển Đỏ. **C.** Vịnh Pec-xich. **D.** Biển Đen.
Câu 29: Đô thị nào sau đây có số dân lớn nhất ở Mỹ La tinh?
A. Bô-gô-ta. **B.** Mê-hi-cô Xity.
C. Bu-ê-nôt Ai-ret. **D.** Sao Pao-lô.
Câu 30: Các nước có nền kinh tế phát triển ở Tây Nam Á, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng
A. đa canh. **B.** công nghệ cao. **C.** liên kết. **D.** chuyên môn hóa.
Câu 31: Ở Đông Nam Á có nền nhiệt quanh năm cao, nhiều nước, độ ẩm dồi dào; đất phù sa tạo thuận lợi để phát triển
A. trồng cà phê. **B.** trồng cao su. **C.** trồng lúa mì. **D.** trồng lúa nước.
Câu 32: Điều kiện tự nhiên Tây Nam Á thuận lợi chủ yếu cho phát triển

A. công nghiệp chế biến. **B.** chăn nuôi gia súc lớn.
C. trồng cây lương thực. **D.** việc khai thác dầu mỏ.

Câu 33: Khu vực Đông Nam Á có nhiều sông, hồ, diện tích mặt nước ruộng sâu tạo điều kiện thuận lợi để phát triển
A. khai thác thủy sản. **B.** nuôi trồng thủy sản nước mặn.
C. nuôi trồng thủy sản nước ngọt. **D.** nuôi trồng thủy sản nước lợ.

Câu 34: Tháng 1/2020, quốc gia đã rời khỏi EU là
A. Anh. **B.** Pháp.
C. Thụy Sỹ. **D.** Hà Lan.

TỰ LUẬN

Câu 35: Chứng minh nhận định sau: Công nghiệp khai thác dầu khí là ngành kinh tế có ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội, chính trị ở khu vực Tây Nam Á?

Câu 36: Cho bảng số liệu:

BẢNG 12.3. TRỊ GIÁ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Trị giá \ Năm	2010	2015	2020
Xuất khẩu	1 244,9	1 506,0	1 676,3
Nhập khẩu	1 114,4	1 381,5	1 526,6

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Hãy vẽ biểu đồ thể hiện giá trị xuất, nhập khẩu của Đông Nam Á giai đoạn 2010 – 2020?

Câu 37: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2017	2019	2020
Thái Lan	31616,9	31857,2	28618,0	29811,2
Việt Nam	45215,7	42763,7	42301,1	43346,6

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)

Vẽ biểu đồ thích hợp nhất so sánh sản lượng lúa năm 2020 so với năm 2015 của Thái Lan và Việt Nam?

Câu 38: Điều kiện thuận lợi ở Đông Nam Á để trồng cây công nghiệp lâu năm?

Câu 39. Cho bảng số liệu:

BẢNG 1.1. CƠ CẤU KINH TẾ BRA-XIN NĂM 2000 VÀ NĂM 2019

(Đơn vị: %)

Năm	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ	Thuế sản phẩm
2000	4,8	23,0	58,3	13,9
2019	5,9	17,7	62,9	13,5

(Nguồn: WB, 2022)

Vẽ biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện cơ cấu kinh tế của Bra-xin năm 2000 và năm 2019?

Câu 40: Tự nhiên Đông Nam Á lục địa khác với Đông Nam Á biển đảo ở điểm nào?